

Bản án số: 28/2023/DS-PT

Ngày 31-5-2023

*“V/v: Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp
đồng mua bán xe ô tô là vô hiệu”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng.

Các Thẩm phán: Ông Phúc An Hoàn và ông Ma Ngọc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên
Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
14/2023/TLPT-DS về việc *“Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô
tô là vô hiệu”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2023/QĐ-PT,
ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Kiều Thế M, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Xóm 02 L.Q, xã T.Q (nay là tổ dân phố L, thị trấn Y), huyện S, tỉnh
Tuyên Quang, *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

2. Bị đơn: Anh Ma Văn D, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường T.H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, *(có
mặt)*.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường T.H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, *(có
mặt)*.

- Anh Vũ Văn S, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn 04 N.D, xã A.H, huyện A.D, thành phố P, *(vắng mặt)*.

- Anh Ngô Việt C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn Q.H, xã N.S, huyện A.D, thành phố P, (*vắng mặt*).

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Ma Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Kiều Thế M trình bày:*

Ngày 01/7/2017, anh Ma Văn D trú tại tổ dân phố 02, phường T.H, thành phố T có bán cho anh 01 chiếc xe ô tô Biển số 15C-065.33, nhãn hiệu Trường Giang, loại xe tải tự đổ, màu sơn xanh; số máy YC4E13521E 0208900611; số khung RNNTD61D49 C000891, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố P cấp ngày 08/7/2013, mang tên chủ sử dụng Vũ Văn S với giá thỏa thuận 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), hai bên có viết Giấy bán, cho, tặng xe; cùng ngày anh D đã nhận đủ số tiền bán xe và giao giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô cho anh. Đến ngày 11/7/2017, anh D có nhu cầu sử dụng xe ô tô Biển số 15C-065.33 nên anh D đến nhà anh hỏi thuê lại chiếc xe đã bán này. Anh đồng ý cho anh D thuê xe với thời hạn thuê từ ngày 11/7/2017 đến ngày 11/01/2018. Hai bên có làm Hợp đồng thuê xe, giá thuê là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng)/ngày. Sau khi ký hợp đồng cho thuê xe xong, anh đã giao xe ô tô Biển số 15C-065.33 cho anh D (anh có giữ lại 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển số 15C-065.33). Đến hết thời hạn cho thuê xe (ngày 11/01/2018), anh D không trả xe ô tô và tiền thuê xe cho anh theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê xe, mặc dù nhiều lần anh gọi điện thoại và đến trực tiếp nhà anh D yêu cầu anh D phải trả xe ô tô và tiền thuê xe ô tô cho anh, nhưng anh D không trả tiền và trả xe ô tô.

Do cho rằng anh Ma Văn D đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh, nên khoảng đầu năm 2019 anh có đơn gửi Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị giải quyết trách nhiệm hình sự đối với anh D. Tại Thông báo về việc không khởi tố vụ án hình sự số 268/TB-CQĐT, ngày 03/4/2019 của Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang, đã thông báo cho anh biết là không đủ căn cứ xác định hành vi của anh D có dấu hiệu tội *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật hình sự. Do vậy, anh có đơn khởi kiện vụ án dân sự đối với anh D về việc *Kiện đòi tài sản và đòi tiền cho thuê tài sản*, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý, giải quyết vụ án anh có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Ma Văn D về nội dung *Kiện đòi tiền cho thuê tài sản* là chiếc ô tô Biển số 15C-065.33 anh đã cho anh D thuê, nhưng anh D chưa trả tiền thuê xe. Anh xin sửa đổi nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng (Giấy bán, cho, tặng xe) bán chiếc ô tô Biển số 15C-065.33, giữa anh và anh D đã ký kết

ngày 01/7/2017 là vô hiệu. Vì khi bán chiếc xe ô tô này là tài sản thuộc sở hữu chung của anh D và vợ anh D là chị Nguyễn Thị H, nhưng khi bán anh D nói dối xe là tài sản của riêng anh D, nên tin tưởng đã mua xe. Như vậy, lỗi thuộc về anh D toàn bộ. Do vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ma Văn D phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) anh đã trả cho anh D khi mua chiếc xe ô tô Biển số 15C-065.33 vào ngày 01/7/2017. Đối với chiếc ô tô Biển số 15C-065.33, anh đã giao cho anh D trực tiếp ngày 11/7/2017 khi anh D thuê xe, đến nay anh D chưa giao lại xe cho anh, vì vậy anh chỉ có trách nhiệm trả lại cho anh D 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010508, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố P cấp ngày 08/7/2013, mang tên chủ xe Vũ Văn S, xe ô tô Biển số 15C-065.33, nhãn hiệu Trường Giang, loại xe tải tự đổ, màu sơn xanh. Anh tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

** Bị đơn anh Ma Văn D trình bày tại bản tự khai, biên bản hoà giải và quá trình giải quyết vụ án:*

Anh và anh Kiều Thế M, trú tại xóm 02 L.Q, xã T.Q, huyện S (nay là tổ dân phố L, thị trấn Y), huyện S, tỉnh Tuyên Quang có mối quan hệ quen biết do anh M mở hiệu cầm đồ và cho vay lãi. Xuất phát từ công việc làm công trình từ nhiều năm nay nên vào ngày 11/7/2017, anh có nhu cầu cần tiền để làm ăn nên đã đến hiệu cầm đồ của anh M hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), mặc dù anh không viết giấy vay tiền nhưng thực tế anh M tính lãi là 3.000 đồng/1 triệu đồng/ngày. Để vay được số tiền này anh M yêu cầu anh phải đưa đăng ký xe ô tô Biển số 15C-065.33, mang tên Vũ Văn S để làm tin thì anh M mới cho anh vay 50.000.000 đồng và anh M yêu cầu anh ký trước vào 02 giấy do anh M đánh máy sẵn một số dòng và để trống một số dòng, anh đã ký tên vào 02 giấy này và không đọc nội dung của 02 giấy này. Khi ký xong anh ra về còn anh M giữ 02 giấy anh đã ký, sau đó anh M đã tự viết nội dung vào 02 giấy này. Sau khi anh M kiện anh ra Tòa án thì anh mới biết về nội dung của 02 giấy mà anh M khởi kiện. Thực tế ngày 11/7/2017, anh không bán xe ô tô cho anh M, vì nếu bán thì một mình anh không đủ tư cách để bán bởi đây là tài sản thuộc sở hữu chung của anh và vợ anh là chị Nguyễn Thị H. Nếu bán xe thì cả hai vợ chồng phải cùng ký bán và Hợp đồng phải được Công chứng hoặc Chứng thực ở cấp có thẩm quyền thì mới có giá trị pháp lý. Từ việc anh không bán xe mà xe vẫn thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng anh, do vậy cũng không có việc anh thuê xe của anh M, vì thực tế xe anh vẫn sử dụng để làm công trình. Đối với khoản tiền anh vay anh M 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), anh đã trả cho anh M thông qua Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố T khấu trừ tiền trong tài khoản của anh số 103867161520, tại

Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang là 42.500.000 đồng (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Trước yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Thế M, anh đã có đơn phản tố gửi Tòa án với nội dung là yêu cầu Tòa án xem xét tuyên Hợp đồng (Giấy bán, cho, tặng xe) lập ngày 01/7/2017, giữa anh và anh Kiều Thế M là vô hiệu. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Chị Nguyễn Thị H:* Tôi nhất trí ý kiến của anh Ma Văn D (chồng chị). Thực tế anh D chỉ vay tiền của anh M là 50.000.000 đồng để giải quyết công việc, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu đồng/ngày. Trong suốt thời gian trước khi chưa khởi kiện vụ án này ra Tòa án, anh M vẫn mang sổ sách đến nhà chị để đòi nợ tiền gốc và tiền lãi. Còn việc bán xe ô tô thì một mình anh D không đủ điều kiện để bán xe, nếu bán thì cả chị và anh D cùng ký bán vì đây là tài sản chung vợ chồng. Đề nghị Tòa án giải quyết tuyên Giấy thuê xe là vô hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện A.D, thành phố P ghi lời khai của ông Vũ Văn S và ông Ngô Việt C. Tại bản tự khai ông Vũ Văn S trình bày: Ông không có quan hệ gì với anh Ma Văn D có địa chỉ tại: Tổ 02, phường T.H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Ông xác nhận trước đây ông là chủ sở hữu chiếc ô tô tải tự đổ, màu sơn xanh, Biển số 15C-065.33, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố P cấp ngày 08/7/2013, mang tên chủ xe Vũ Văn S. Đến năm 2014, ông đã bán chiếc xe ô tô này cho anh Ngô Việt C, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Q.H, xã N.S, huyện A.D, thành phố P. Khi bán xe anh có viết giấy bán xe, giao xe, giao giấy tờ xe cho anh C giữ. Ông xác định không liên quan gì đến việc anh Kiều Thế M kiện anh Ma Văn D về việc trả lại xe ô tô và trả tiền xe ô tô. Ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng, nếu có thì ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đối với ông Ngô Việt C, sau khi nhận được quyết định ủy thác, Tòa án nhân dân huyện A.D, thành phố P đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thành phố T và Tòa án tỉnh Tuyên Quang cho ông Ngô Việt C đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa, nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân Huyện A.D đã lập biên bản về việc vắng mặt của đương sự gửi đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 39; Điều 147; 217; 218; 219; 227; 228; 235; 264; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 117; 122; 129;

131; 357 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Kiều Thế M và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Ma Văn D, về việc *Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô là vô hiệu.*

Tuyên bố Giấy bán, cho, tặng xe ô tô Biển số 15C-06533; nhãn hiệu: Trường Giang; loại xe: Tải tự đổ; màu sơn: Xanh; số máy YC4E13521E 0208900611; số khung RNNTD61D49 C000891; đăng ký xe đứng tên Vũ Văn S; đã ký ngày 01 tháng 7 năm 2017, giữa bên bán xe ô tô Ma Văn D với bên mua xe ô tô Kiều Thế M là vô hiệu.

2. Buộc anh Ma Văn D có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Kiều Thế M số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Khoản tiền phải hoàn trả lại trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Buộc anh Kiều Thế M có trách nhiệm trả lại cho anh Ma Văn D 01 (Một) bản chính giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010508, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố P cấp ngày 08/7/2013, mang tên chủ xe Vũ Văn S; xe ô tô Biển số: 15C-065.33; nhãn hiệu: Trường Giang; loại xe: Tải tự đổ; màu sơn: Xanh.

4. Đình chỉ giải quyết nội dung khởi kiện giữa nguyên đơn anh Kiều Thế M với bị đơn anh Ma Văn D, về việc nội dung yêu cầu trả tiền cho thuê xe ô tô là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), theo Hợp đồng thuê xe đã ký kết ngày 11/7/2017, giữa anh Kiều Thế M với anh Ma Văn D.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết nội dung khởi kiện: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Ma Văn D. Anh D kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, với lý do anh chỉ vay của anh Kiều Thế M số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu đồng/ngày và anh đã trả

cho anh M số tiền trên qua cơ quan Thi hành án, việc Tòa án nhân dân thành phố T buộc anh phải trả cho anh M số tiền 150.000.000 đồng anh không nhất trí. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Ma Văn D giữ nguyên nội dung kháng cáo và có ý kiến:

Ngày 01/7/2017 anh D có nhu cầu cần tiền để làm ăn nên đã đến hiệu cầm đồ của anh M hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), anh M tính lãi là 3.000 đồng/1 triệu đồng/ngày. Anh M yêu cầu anh phải đưa đăng ký xe ô tô Biển số 15C-065.33 mang tên Vũ Văn S để làm tin thì anh M mới cho anh vay 50.000.000 đồng và anh M yêu cầu anh ký trước vào 02 giấy do anh M đánh máy sẵn một số dòng và anh đã ký tên vào 02 giấy này. Khi ký xong anh ra về còn anh M giữ 02 giấy anh đã ký, sau đó anh M đã tự viết nội dung vào 02 giấy này. Sau khi anh M kiện anh ra Tòa án thì anh mới biết về nội dung của 02 giấy mà anh M khởi kiện. Thực tế ngày 11/7/2017, anh không bán xe ô tô cho anh M, bởi đây là tài sản thuộc sở hữu chung của anh và vợ anh là chị Nguyễn Thị H, nếu bán xe thì cả hai vợ chồng phải cùng ký bán và Hợp đồng phải được Công chứng hoặc Chứng thực ở cấp có thẩm quyền thì mới có giá trị pháp lý. Đối với số tiền anh vay anh M 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), anh đã trả cho anh M. Trước yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Thế M, anh đã có đơn phản tố gửi Tòa án với nội dung là yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T xem xét tuyên Hợp đồng (Giấy bán, cho, tặng xe) lập ngày 01/7/2017 giữa anh và anh M là vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh M.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Ma Văn D là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm anh Ma Văn D không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Ma Văn D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Ma Văn D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 22/11/2022, bị đơn anh Ma Văn D có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự số 115/2022/DS-ST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo trong nội dung bản án sơ thẩm, đơn kháng cáo của anh D hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Ma Văn D: Anh D cho rằng anh không bán xe ô tô cho anh M, anh vay anh M số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu đồng/ngày nên anh đã để đăng ký xe lại cửa hàng anh M và anh đã trả cho anh M số tiền trên qua cơ quan Thi hành án, việc Tòa án thành phố T buộc anh phải trả cho anh M số tiền 150.000.000 đồng anh không nhất trí.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 01/7/2017 anh Ma Văn D và anh Kiều Thế M lập giấy bán, cho, tặng xe, nội dung anh D bán cho anh M 01 xe ô tô biển số 15C – 06533, đăng ký đứng tên Vũ Văn S với giá 150.000.000 đồng, anh D đã nhận đủ tiền và bàn giao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho anh M. Xét thấy, xe ô tô biển số 15C – 06533 là tài sản chung của anh D và vợ là chị Nguyễn Thị H, việc anh D tự ý chuyển nhượng chiếc xe trên không được sự đồng ý của chị H là vi phạm quy định tại Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, hợp đồng chuyển nhượng không được công chứng, chứng thực là vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 10, Thông tư 15/2014-TT-BCA. Cấp sơ thẩm đã căn cứ quy định tại các Điều 117, 122, 129 BLDS, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 01/7/2017 giữa anh Ma Văn D và anh Kiều Thế M vô hiệu là có căn cứ.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Căn cứ quy định tại Điều 129 và Điều 131 BLDS, giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các đương sự, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận do vậy yêu cầu khởi kiện của anh M buộc anh D phải trả số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với chiếc xe ô tô biển số 15C – 06533, các bên đều thừa nhận vẫn do anh D đang quản lý và sử dụng. Về lỗi và bồi thường thiệt hại, do các đương sự không yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Anh D cho rằng, ngày 11/7/2017 do cần tiền làm ăn nên anh có vay anh M số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu đồng/ngày. Trước khi cho vay tiền, anh M yêu cầu anh đưa đăng ký xe ô tô biển số 15C – 06533 (xe ô tô của anh

mua lại của người khác nhưng chưa sang tên đổi chủ, đăng ký xe đứng tên ông Vũ Văn S) sau đó anh M đưa cho anh 02 tờ giấy A4 đánh máy sẵn, để trống một số nội dung và yêu cầu anh ký vào mục người thuê xe và bên bán xe thì mới đồng ý cho anh vay tiền. Đối với khoản tiền vay 50.000.000 đồng, đã được Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết, quá trình thi hành án, cơ quan thi hành án đã khấu trừ từ tài khoản của anh cho anh M đến nay số tiền là 42.500.000 đồng. Ngoài lời trình bày của mình, anh D không cung cấp cho Tòa án được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Như vậy, cấp sơ thẩm căn cứ vào Giấy bán, cho, tặng xe lập ngày 01/7/2017 (bản gốc), giữa bên bán anh Ma Văn D với bên mua anh Kiều Thế M để buộc anh Ma Văn D phải trả cho anh Kiều Thế M số tiền 150.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, thấy yêu cầu kháng cáo của anh Ma Văn D là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh Ma Văn D nên anh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Ma Văn D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2022/DS-ST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Kiều Thế M và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Ma Văn D, về việc “*Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô là vô hiệu*”.

Tuyên bố Giấy bán, cho, tặng xe ô tô Biển số 15C-06533; nhãn hiệu: Trường Giang; loại xe: Tải tự đổ; màu sơn: Xanh; số máy YC4E13521E 0208900611; số khung RNNTD61D49 C000891; đăng ký xe đứng tên Vũ Văn S;

đã ký ngày 01 tháng 7 năm 2017, giữa bên bán xe ô tô anh Ma Văn D với bên mua xe ô tô anh Kiều Thế M là vô hiệu.

2. Buộc anh Ma Văn D có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Kiều Thế M số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Khoản tiền phải hoàn trả lại trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Buộc anh Kiều Thế M có trách nhiệm trả lại cho anh Ma Văn D 01 (Một) bản chính giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010508, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố P cấp ngày 08/7/2013, mang tên chủ xe Vũ Văn S; xe ô tô Biển số: 15C-065.33; nhãn hiệu: Trường Giang; loại xe: Tải tự đổ; màu sơn: Xanh (Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô anh Kiều Thế M đã giao nộp cho Tòa án).

4. Đình chỉ giải quyết nội dung khởi kiện giữa nguyên đơn anh Kiều Thế M với bị đơn anh Ma Văn D, về việc nội dung yêu cầu trả tiền cho thuê xe ô tô là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), theo Hợp đồng thuê xe đã ký kết ngày 11/7/2017, giữa anh Kiều Thế M với anh Ma Văn D.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết nội dung khởi kiện: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Kiều Thế M tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tổng cộng anh Kiều Thế M phải chịu 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng) án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0000005, ngày 01 tháng 4 năm 2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho anh Kiều Thế M số tiền chênh lệch là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Ma Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Ma Văn D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001072 ngày 03 tháng 6 năm 2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

6. Về án phí phúc thẩm: Anh Ma Văn D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Ma Văn D đã nộp (do anh Ma Xuân D nộp thay) là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000591, ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh Ma Văn D đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/5/2023).

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự"../.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ma Hồng Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Ngọc Trung

Nguyễn Đức Nam

Ma Hồng Thắng

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: Hồ sơ.

Ma Hồng Thắng

